

Số: **910** /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng **9** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 đến ngày 31 tháng 8 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 đến ngày 31 tháng 8 năm 2023: Nhiệt độ trung bình cao hơn từ 0,5°C - 1,0°C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình từ 27,5°C - 28,5°C. Tổng lượng mưa phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN từ 20 - 50%. Giá trị tổng lượng mưa 150 - 220mm.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 - 30 tháng 9 năm 2023: Xu thế nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức cao hơn khoảng 0,5°C so với TBNN cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình từ 27,5°C - 28,5°C. Xu thế lượng mưa phổ biến cao hơn từ 15% - 30% so với TBNN cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 140 - 230 mm.

a) Cây lúa

Vụ Hè thu 2023		Vụ Mùa 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	-	Mạ	1.764
Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	1.026
Làm đòng	-	Làm đòng	127
Trổ	141,5	Trổ	-
Chín	1.058,0	Chín	-
Thu hoạch	3.709,0	Thu hoạch	-
Tổng	4.908,5	Tổng	2.917,0

b) Cây trồng khác

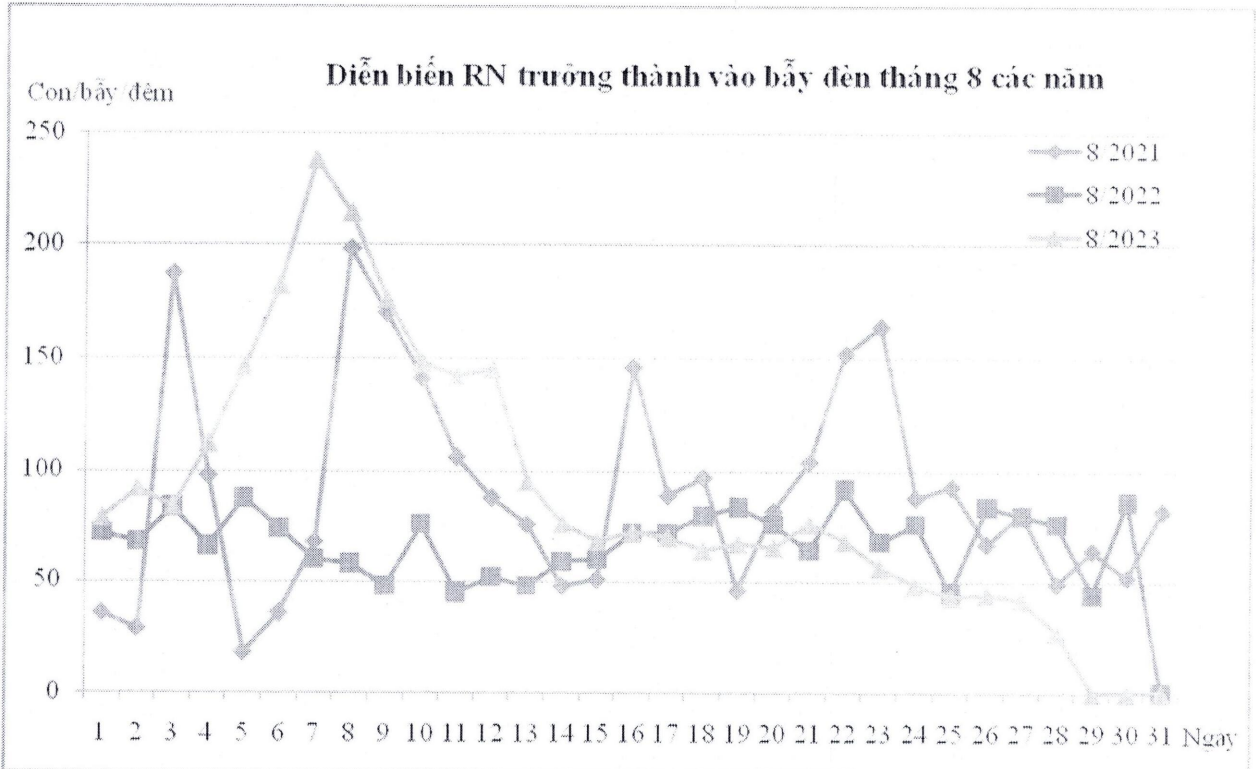
Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Mùa 2023		3.089,9	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.111
- RALNN	Nhiều giai đoạn	845,9	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	335
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	276,8	3. Cây lương thực		-
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	224,7	Bắp	Sinh trưởng	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	123,7	Khoai mì	Sinh trưởng	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	109,5	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.390,3
- RMN	Nhiều giai đoạn	850,4			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN DỊCH

1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 8/2023

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa



III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

1.1 Cây lúa vụ Hè thu 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu đục thân	2-3			1-5	BC
2	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM
3	Bọ xít hôi	3-5			1-3	HM
4	Đạo ôn	3-10%			1-3	HM,BT,BC
5	Đốm vằn	3-5%			1-3	HM,BC
6	OBV	3-10			Các giai đoạn	HM
7	Chuột	3			HM	CC,BT,BC

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, HM: Hóc Môn, BC: Bình Chánh, BT: Bình Tân

1.2 Trên cây lúa vụ Mùa 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC
2	Sâu phao	1-5			1-5	CC

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	Đạo ôn	3-10%			1-3	CC
4	Đốm vằn	3-5%			1-3	CC
5	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC
6	Chuột	3			Các giai đoạn	CC

1.3 Cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nháy	2-120			1-5	HM,Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ,HM,Q12,BC,BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM,CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC,CC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC,BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM,BC,CC
10	Rầy xám	100 ->500			1-5	TĐ,HM,Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC,CC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ,HM,Q12
15	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12,BC
16	Tnhũn/r.cái	1-10			1-3	HM,Q12,BC
17	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
18	Đốm lá	2-5			1-3	HM,Q12,BC
19	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
20	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ,HM

2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

2.1 Cây lúa

a) Vụ Hè thu

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 749,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (604,8 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Hóc Môn, Bình Chánh. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- *Sâu đục thân*: Diện tích nhiễm 7,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (2,0 ha)
- *Sâu cuốn lá*: Diện tích nhiễm 4,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (46,5 ha)
- *Bọ xít hôi*: Diện tích nhiễm 7,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (30,0 ha)
- *Ốc bươu vàng*: Diện tích nhiễm 636,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (367,0 ha)

- *Chuột*: Diện tích nhiễm 72,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (73,5 ha)
- *Bệnh đạo ôn*: Diện tích nhiễm 14,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (56,4 ha)
- *Bệnh đốm vằn*: Diện tích nhiễm 7,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (21,0 ha)

b) Vụ Mùa

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 394, ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (236,0 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng, chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- *Bọ trĩ*: Diện tích nhiễm 101,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (80,0 ha)
- *Sâu phao*: Diện tích nhiễm 79,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (14,0 ha)
- *Ốc brou vàng*: Diện tích nhiễm 104,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (86,0 ha)
- *Chuột*: Diện tích nhiễm 77,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (56,0 ha)
- *Bệnh đạo ôn*: Diện tích nhiễm 20,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (0 ha)
- *Bệnh đốm vằn*: Diện tích nhiễm 13 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (0 ha)

2.2 Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 504,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (568,2 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 1.074,7 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhậy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, vàng lá và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Sâu ăn tạp*: Diện tích nhiễm 97,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (118,1 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- *Sâu xanh*: Diện tích nhiễm 47,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (44,1 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- *Bọ nhậy*: Diện tích nhiễm 18,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (23,0 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- *Rầy xám*: Diện tích nhiễm 18,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (52,6 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12.

- *Ốc brou vàng*: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (188,9 ha). Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Quận 12.

- *Bệnh rỉ trắng*: Diện tích nhiễm 28,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (43,6 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn.

- *Bệnh thối nhũn*: Diện tích nhiễm 8,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (12,0 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, và Quận 12.

2.3 Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại là 33,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (49,2 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 32,4 ha chiếm 97% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Cây hoa lan*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 15,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm

trước (11,5 ha).

- *Cây hoa mai*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 17,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (36,9 ha).

- *Cây hoa khác*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (0,8 ha).

2.4 Cây trồng khác

- *Cây bắp*: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

- *Cây khoai mì*: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

- *Cây dứa*: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa. Khuyến cáo nông dân thăm đồng, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau.

- Chú ý bệnh đạo ôn lá gây hại trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng, bệnh đạo ôn cổ bông trên trà lúa giai đoạn trổ - chín. Khuyến cáo thăm đồng, nắm sát diễn biến của bệnh hại để kịp thời đưa ra các biện pháp quản lý hiệu quả.

- Ngoài ra, chú ý ốc bươu vàng gây hại trên các ruộng lúa mới xuống giống <15 ngày sau sạ, sâu cuốn lá nhỏ trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng; bọ trĩ, sâu phao giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ, dòi đục lá. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Cây hoa lan*: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- *Cây hoa mai*: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Các loại cây trồng khác

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột...

- *Cây dừa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

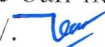
- Theo dõi tình hình sinh vật hại trên cây lúa vụ Hè thu và tình hình xuống giống vụ Mùa 2023.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại. 

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp. Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG




Trương Công Lực

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LƯA VŨ HÈ THU NĂM 2023
 (Kèm theo Báo cáo số: **910**/BC-CCTTBVT, ngày **06** tháng **9** năm 2023 của Chi cục TTBVT)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)				DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Năng	MT	Tổng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu đục thân	7,0		7,0	6,0	2,0	BC		
2	Sâu cuốn lá	4,3		4,3	39,6	46,5	HM		
3	Bộ xít hời	7,5		7,5	24,1	30,0	HM		
4	Bộ trĩ	-		-	22,0		-		
5	Sâu phao	-		-	2,8	1,4	-		
6	Đào ôn	14,4		14,4	28,5	56,4	HM,BT,BC		
7	Đom đóm	7,3		7,3	18,5	21,0	HM,BC		
8	OBV	636,0		636,0	683,0	367,0	HM		
9	Chuồn	72,8		72,8	74,0	73,5	CC,BT,BC		
10	Vàng lá					7,0	-		
	Tổng	749,3		749,3	898,5	604,8			

CHI CỤC TRỒNG TRÓT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ MÙA NĂM 2023
 (Kèm theo Báo cáo số: **110** /BC-CCTTBVTV, ngày **06** tháng **9** năm 2023 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ trĩ	101,0			101,0	63,0	80,0		CC
2	Sâu phao	79,0			79,0	27,0	14,0		CC
3	Đạo ôn	20,0			20,0	-	-		CC
4	Đốm vằn	13,0			13,0	-	-		CC
5	OBV	104,0			104,0	64,0	86,0		CC
6	Chuột	77,0			77,0	42,0	56,0		CC
	Tổng	394,0			394,0	196,0	236,0		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: 910 /BC-CCTTBVTW, ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chi cục TTBTW)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	Kỳ trước	CKNT	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Năng	MT					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bộ nhày	18,0	18,0		18,0	14,9	23,0	44,7	HM,Q12,BC,BT
2	Sầu xanh	47,7	47,7		47,7	26,9	44,1	100,4	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sầu to	12,3	12,3		12,3	12,0	10,2	32,5	TD,HM,Q12,BC,BT
4	Dòi đục lá	13,2	13,2		13,2	0,2	8,7	13,4	HM,CC
5	Sầu đục trái	1,8	1,8		1,8	1,8	1,7	7,2	BC
6	Sầu ăn tạp	97,8	97,8		97,8	62,5	118,1	222,5	TD,HM,Q12,CC,BC,BT
7	Bộ trĩ	7,8	7,8		7,8	0,8	7,9	11,9	BC,CC
8	Rầy mềm	1,1	1,1		1,1	1,1	1,4	4,0	BC,BT
9	Rầy xanh	9,9	9,9		9,9	0,7	10,7	6,9	HM,BC,CC
10	Rầy xám	18,5	18,5		18,5	18,8	52,6	38,1	TD,HM,Q12
11	Bộ phân						0,1		BC
12	Sầu đục đọt	0,9	0,9		0,9	0,9	1,2	3,3	TD
13	Bộ xít đen	4,0	4,0		4,0	4,0	1,0		BC,CC
14	Ruồi đục trái	10,6	10,6		10,6	4,3	4,2	21,5	TD,HM,Q12
15	OBV	208,6	208,6		208,6	208,6	208,6	440,4	Q12,BC
16	Ốc sên	0,6	0,6		0,6	0,6	0,6	2,0	HM,Q12,BC
17	Tnhùn/r.cái	8,4	8,4		8,4	8,1	12,0	19,9	TD,HM,Q12,CC,BC,BT
18	Ri trắng/RM	28,3	28,3		28,3	23,5	43,6	71,5	HM,Q12,BC
19	Đom đóm	5,9	5,9		5,9	4,7	12,3	14,4	HM
20	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	0,9	0,9		0,9	0,4	0,9	1,5	TD,HM
21	Vàng lá	7,8	7,8		7,8	7,1	5,3	18,5	HM,Q12,BC,BT
Tổng		504,1	504,1		504,1	401,9	568,2	1.074,7	

CHI CỤC TRỒNG TRÓT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục IV
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIỂNG
 (Kèm theo Báo cáo số: **910** /BC-CCTTBT/TV, ngày **06** tháng **9** năm 2023 của Chi cục TTBVT/TV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	15,1			15,1	14,5	11,5	14,3	
1	Muỗi hại bông	5,7			5,7	5,5	6,2	5,5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,3	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,8			0,8	0,8	0,6	0,7	CC, BC
5	Ốc sên	0,3			0,3	0,2	0,2	0,3	TĐ, CG
6	Đốm lá	3,4			3,4	3,2	2,0	3,2	TĐ, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	1,7			1,7	1,8	0,2	1,7	CG, Q7
8	Thối nhũn	1,2			1,2	1,2	0,9	1,0	CC, BC, CG, Q7
9	Đốm đen	0,5			0,5	0,4	0,4	0,3	CC
10	Vàng lá	0,7			0,7	0,7	0,6	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,2			0,2	0,2	0,1	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,3			0,3	0,2	0,1	0,3	TĐ
II	Hoa mai	17,7			17,7	16,6	36,9	17,5	
1	Nhện đỏ	2,3			2,3	2,1	4,8	2,3	TĐ, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	6,5			6,5	6,2	12,4	6,5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	3,3			3,3	3,0	4,9	3,3	TĐ, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,0			0,0	0,0	-	0,0	HM
5	Rầy xanh	1,1			1,1	1,1	-	1,1	BC
6	Cháy lá	1,9			1,9	1,5	4,2	1,7	TĐ, CC
7	Mốc cam	0,4			0,4	0,4	0,4	0,4	CG
8	Nấm hồng	1,2			1,2	1,2	0,2	1,2	BC, BT
9	Rong rêu	1,0			1,0	1,0	10,0	1,0	TĐ
III	Cây hoa khác	0,7			0,7	0,7	0,8	0,7	TĐ, CC, BC, CG
	Tổng cộng	33,4			33,4	31,8	49,2	32,4	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT